TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – GIA LAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 133/2026/QĐST-HNGĐ	*Gia Lai, ngày 10 tháng 4 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 218/2026/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2026, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn T, sinh ngày 03/3/1969; địa chỉ: Tổ B, khu E, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa, số CCCD 058069000438.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Xuân H, sinh ngày 20/4/1972; địa chỉ: thôn N, xã T, tỉnh Gia Lai; số CCCD: 052172002714.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị Xuân H.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị Xuân H xác định có 02 người con chung là Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 19/4/1993 và Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh ngày 08/02/2007, hiện đã thành niên nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

2.2. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị Xuân H thống nhất không yêu cầu giải quyết.

2.3. Về án phí sơ thẩm Ông Nguyễn T tự nguyện chịu 150.000(một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí hôn nhân, được trừ vào 300.000(ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002929 ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Còn hoàn trả cho ông Nguyễn T số tiền 150.000(một trăm năm mươi nghìn) đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Khu vực 2, tỉnh Gia Lai;
- Phòng THA khu vực 2, tỉnh Gia Lai;
- UBND xã Tuy Phước Tây (ĐKKH số: 207, ngày 06/01/1992 tại UBND xã Phước An);
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Ái Phượng